

C, ngày 26 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2018/TLST-. HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị D - Sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn Th, xã T, huyện C, Tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn Th, xã T, huyện C, Tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55; 58; 81; 82 và điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 18 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Phạm Văn T.

- *Về con cái:* Vợ chồng thống nhất có 1 con chung là cháu Phạm Thị Bảo Ng- Sinh ngày: 01/9/2014.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị D và anh T như sau:

Giao cháu Bảo Ng cho chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bảo Ng mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 trở đi, theo định kỳ hàng tháng.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị D phải nộp 75.000đ án phí DSST. Anh T phải nộp 75000đ án phí DSST và 150.000đ án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D nhận nạp toàn bộ án phí DSST. Chị D đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0003708, ngày 26/6/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Chị D, anh T không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C
- Ban Tư pháp xã Th, huyện C
tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA - TAND tỉnh
Thanh hóa;
- Phòng 9 – VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Luyện